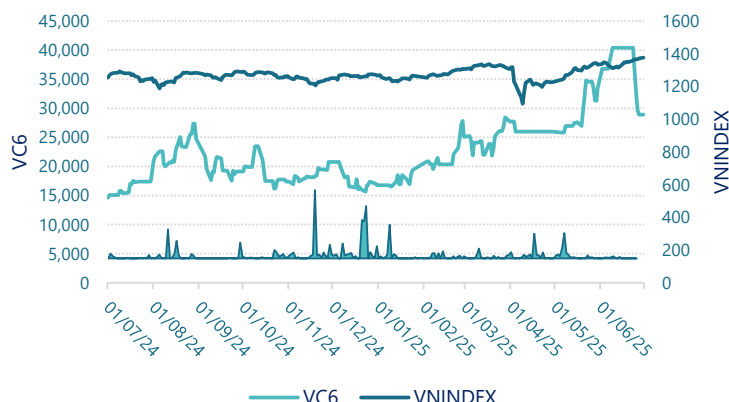


CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons (HNX: VC6)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	28,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,632
SL cổ phiếu LH	10,840,877
KLGD BQ 20 phiên (CP)	540
% sở hữu nước ngoài	10.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	313
P/E	10.5
EPS	2,743

DT thuần

Q2/25

562

tỷ VNĐ

QoQ: ▼281 | -33.3%

YoY: ▼50.0 | -8.1%

LN sau thuế

Q2/25

8.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.22 | -26.6%

YoY: ▼2.02 | -18.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.6%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

6T 2025

1,405

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 427 | 43.6%

LN sau thuế

6T 2025

21.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.60 | 36.5%

ROE

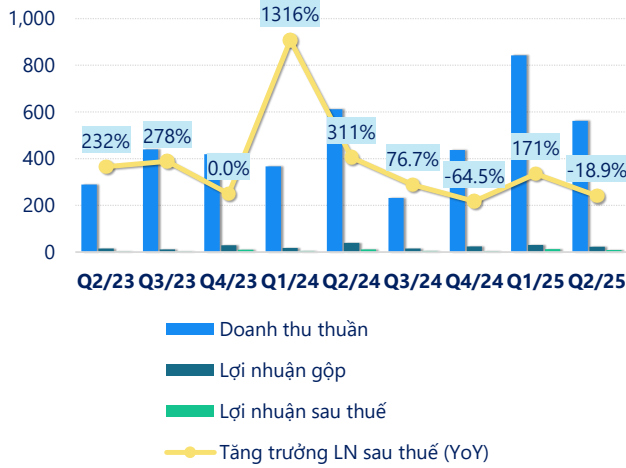
Q2/25

18.1%

+/- YoY: ▼ 1.7%

tỷ VNĐ

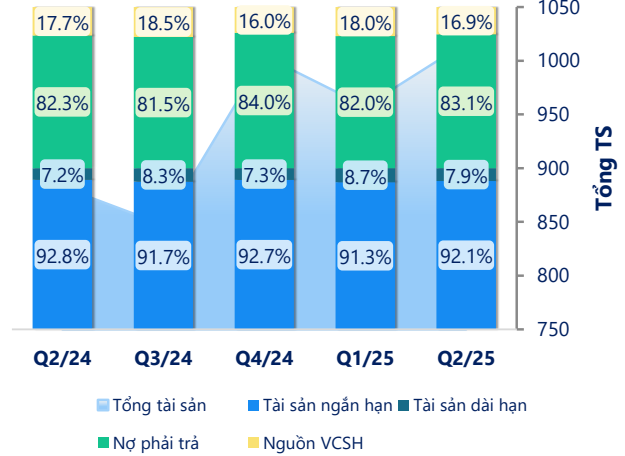
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

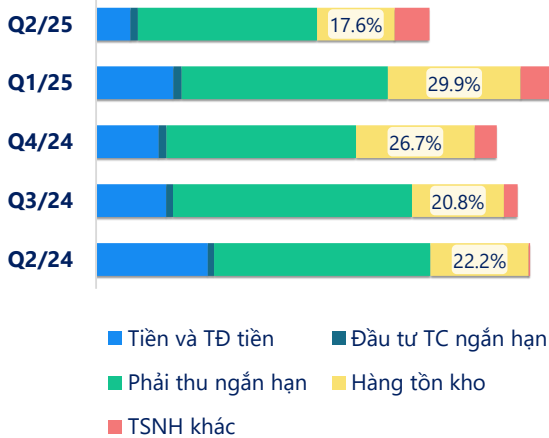
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



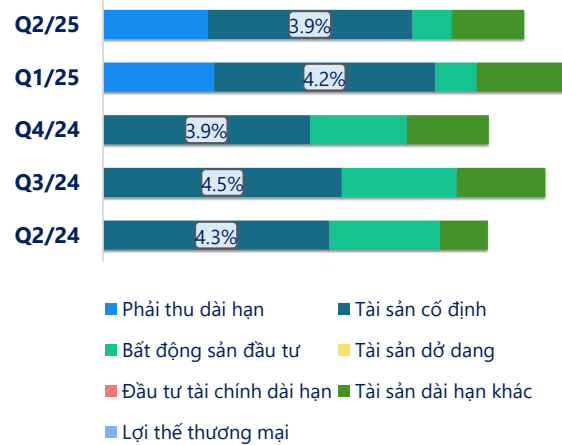
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

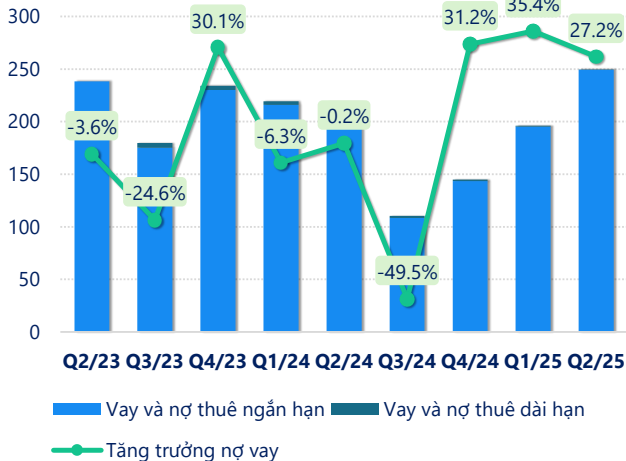
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

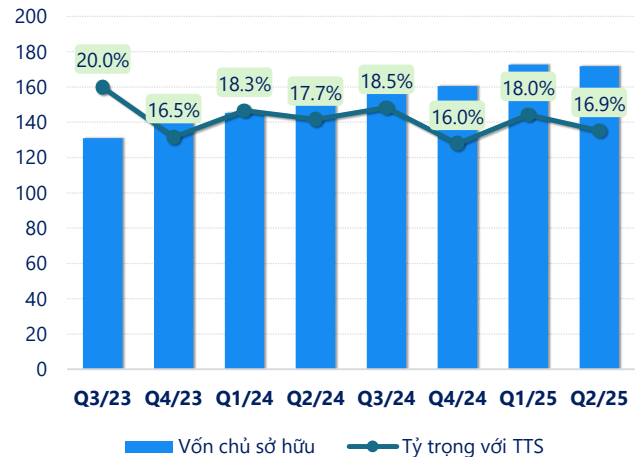
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

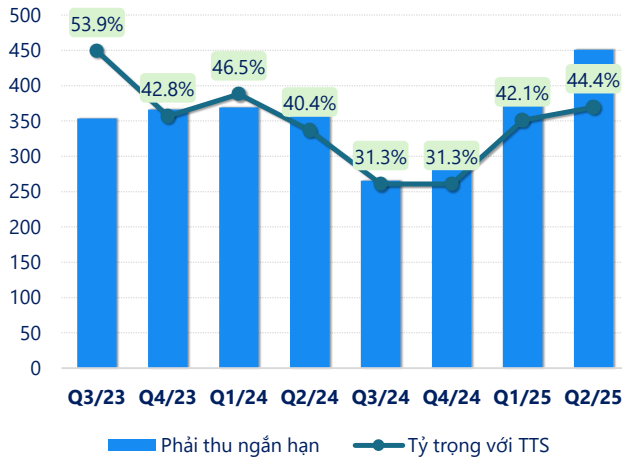
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



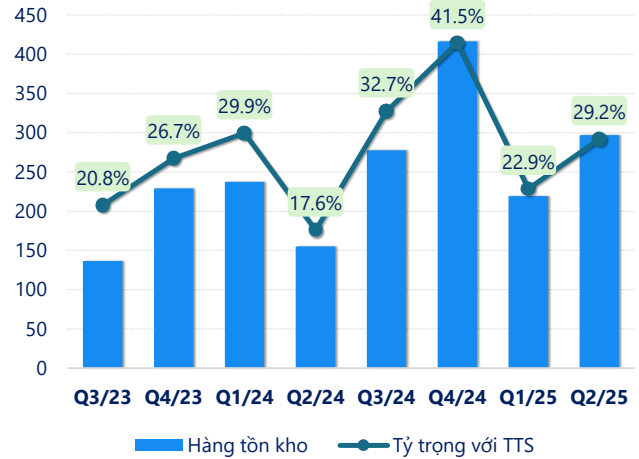
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


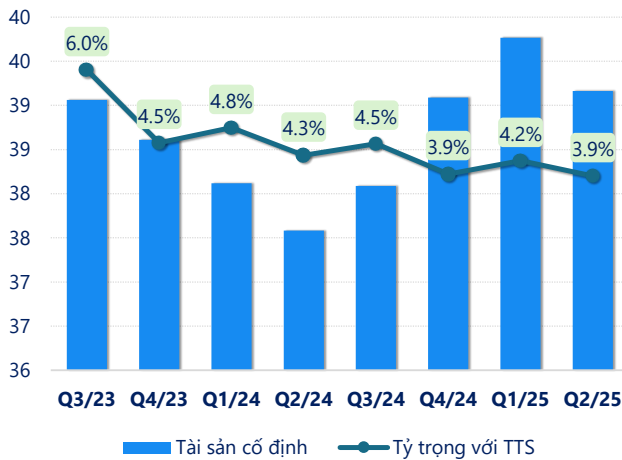
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


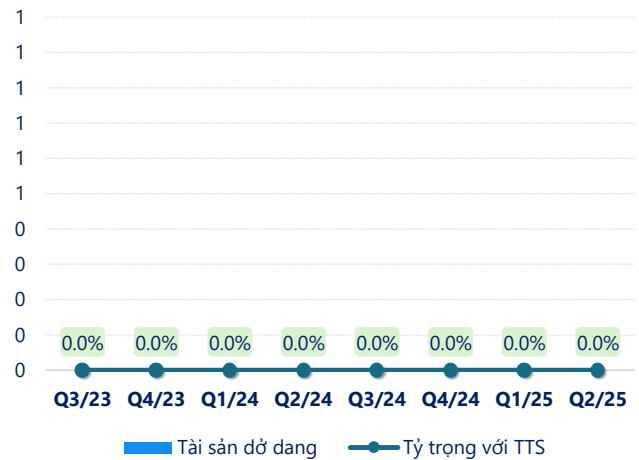
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

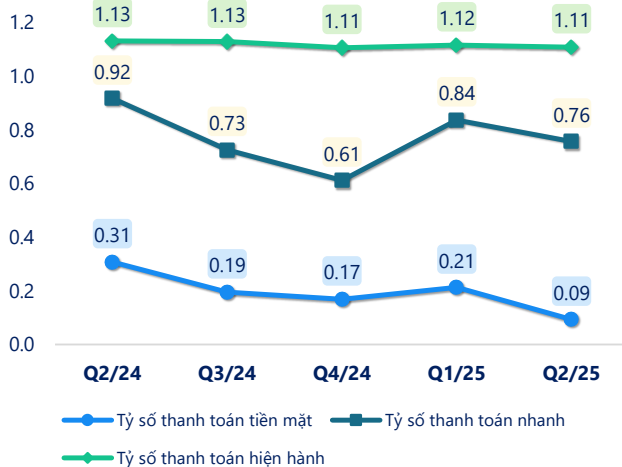
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

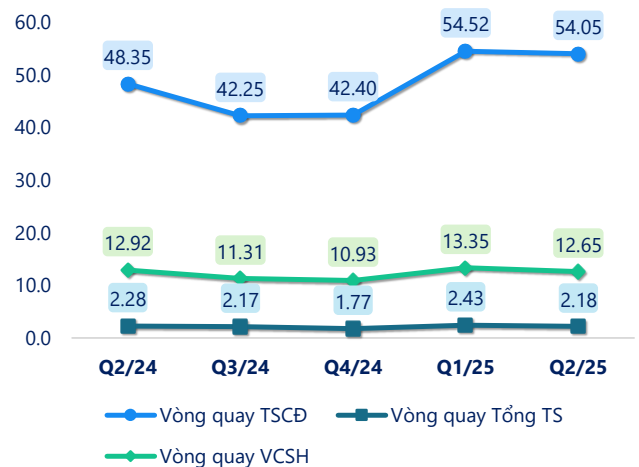
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	883	847	1,004	957	1,017
Tài sản ngắn hạn	819	777	932	874	936
Tiền và tương đương tiền	222	134	142	167	78.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.1	15.1	15.1	20.1	20.1
Phải thu ngắn hạn	357	265	315	403	451
Hàng tồn kho	155	277	416	219	297
Tài sản ngắn hạn khác	69.5	85.1	43.5	65.4	89.5
Tài sản dài hạn	63.9	70.5	72.9	83.1	80.6
Phải thu dài hạn	0	0	0	20.0	20.0
Tài sản cố định	37.6	38.1	39.1	39.8	39.2
Bất động sản đầu tư	18.3	18.3	18.3	7.53	7.50
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.00	14.1	15.5	15.8	13.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	726	690	844	785	845
Nợ ngắn hạn	724	688	843	784	845
Vay và nợ thuê ngắn hạn	216	108	143	195	249
Phải trả người bán ngắn hạn	335	316	433	400	392
Nợ dài hạn	2.66	2.03	1.41	0.78	0.15
Vay và nợ thuê dài hạn	2.66	2.03	1.41	0.78	0.15
Nguồn vốn chủ sở hữu	156	157	161	173	172
Vốn chủ sở hữu	156	157	161	173	172
Vốn điều lệ	88.0	96.8	96.8	96.8	108
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)